

Số: *38* /2018/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *20* tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1273/TTr-SCT ngày 12/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 35/2009/QĐ-UBND ngày 14/12/2009 và Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành trực thuộc; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */al*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Toankk, 11/2018 */al*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nhữ Văn Tâm

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /2018/QĐ-UBND

ngày 20 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về các nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là *UBND cấp huyện*), đơn vị liên quan trong công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp (giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp chưa quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện; UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là *UBND cấp xã*).

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), đơn vị đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong quá trình phối hợp quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây phiền hà cho Doanh nghiệp. Sở Công Thương là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đồng thời là cơ quan đầu mối liên hệ và chịu trách nhiệm phối hợp các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

3. Các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện đầu tư, triển khai dự án và hoạt động đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ thực hiện theo nguyên tắc quản lý nhà nước trong cụm công nghiệp. Các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp trong cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương và các cơ quan chức năng phải được phối hợp, phúc đáp đúng thời gian quy định.

Điều 4. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, trong quá trình thực hiện sẽ do cơ quan chủ trì quyết định hoặc phối hợp nhiều cơ quan khác giải quyết công việc.

1. Đối với cơ quan chủ trì

- Tổ chức cuộc họp tập trung để lấy ý kiến tham gia của cơ quan phối hợp hoặc gửi văn bản xin ý kiến đến cơ quan phối hợp.

- Sau khi cơ quan chủ trì triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến cụm công nghiệp thì gửi Sở Công thương 01 (một) bản để tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện.

2. Đối với cơ quan phối hợp

- Có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp không thể tham dự cuộc họp thì gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì, nếu không có ý kiến thì cơ quan phối hợp phải chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

- Khi được hỏi ý kiến, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Nếu quá thời hạn trên, cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 5. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương

a) Xây dựng, tổng hợp ý kiến về chương trình hỗ trợ: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (*bao gồm nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và địa phương*) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phát triển cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển cụm công nghiệp trong nước và quốc tế;

d) Hỗ trợ các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về khuyến công, xúc tiến thương mại và tiết kiệm năng lượng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp; tổ chức xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp thực hiện xác định đơn giá thuê đất, giá thu phí hạ tầng, phí bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trình cấp thẩm quyền ban hành theo đúng quy định;

b) Hướng dẫn chủ đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp; tổ chức thanh tra, kiểm tra, quyết toán đúng quy định;

c) Hướng dẫn và tổ chức công tác thẩm tra, kiểm tra quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

4. Các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 6. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

1. Trình tự lập, phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan tổ chức lập, thẩm định Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, trình UBND tỉnh gửi Bộ Công Thương để thỏa thuận Quy hoạch theo quy định tại các khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 7. Bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp đưa ra khỏi quy hoạch

1. Điều kiện bổ sung cụm công nghiệp vào Quy hoạch thực hiện theo khoản 1, Điều 7 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Điều kiện điều chỉnh cụm công nghiệp ra khỏi Quy hoạch thực hiện theo khoản 2, Điều 7 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ, trình tự điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) UBND cấp huyện lập tờ trình UBND tỉnh kèm theo 8 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch (*trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc*), gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định.

b) Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương và phê duyệt theo quy định.

- Nội dung thẩm định gồm: Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ và nội dung, tính khả thi của Báo cáo điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch.

- Thời gian thẩm định trình UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

c) Sở Xây dựng: Phối hợp đánh giá sự phù hợp của việc bổ sung, điều chỉnh cụm công nghiệp đưa ra khỏi quy hoạch phát triển cụm công nghiệp với quy hoạch xây dựng, đô thị.

d) Các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 8. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ, trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lập 8 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, báo cáo UBND tỉnh việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Thời hạn thẩm định kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh

- Có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương nếu cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 5 ha so với quy hoạch đã được thỏa thuận.

- Thời hạn quyết định hoặc không quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo khoản 4, Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

đ) Các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo chức năng quản lý ngành.

Điều 9. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật được thực hiện trong giai đoạn thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

2. Đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và địa bàn không có khả năng thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì thực hiện theo khoản 2, Điều 15 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP và khoản 1, Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BCT.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương

Căn cứ Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BCT, Sở Công Thương tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 10. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn trước khi thu hút, di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư vào trong cụm công nghiệp. Nội dung quy hoạch chi tiết phải phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, có bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất vị trí quy hoạch quỹ đất ở phù hợp trên địa bàn để xây dựng nhà ở cho người lao động trong cụm công nghiệp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Xây dựng: Hướng dẫn, kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp và có ý kiến thống nhất bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến đối với hạ tầng kỹ thuật môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật. Cập nhật, bổ sung nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất trong việc thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp.

d) Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất ngành nghề trong cụm công nghiệp, sự phù hợp với quy hoạch ngành công nghiệp, phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; bố trí phân lô ngành nghề và các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của cụm công nghiệp.

đ) Các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

3. Kinh phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được thực hiện theo khoản 4, Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Chịu trách nhiệm lập, thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Đối với cụm công nghiệp được quyết định thành lập, mở rộng theo thủ tục, quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

b) Thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Thông tư 15/2017/TT-BCT.

c) Thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

d) Báo cáo cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Luật Thống kê; đồng thời gửi Sở Công Thương 1 bản. Nội dung báo cáo gồm: Tiến độ đầu tư hạ tầng, vốn thực hiện, kết quả đầu tư của dự án, kết quả thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, nộp ngân sách, kết quả thụ hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, lao động, bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xem xét lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì kiểm tra, giám sát chủ đầu tư về xây dựng, thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tiếp nhận, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

d) Các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 12. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp, tham gia thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm, xác nhận hoàn thành việc thực hiện các công trình, biện pháp phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp về việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, thực hiện các nội dung theo quyết định phê duyệt và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt, đề án bảo vệ môi trường đơn giản được xác nhận.

- Hướng dẫn đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và các quy định pháp luật về lĩnh vực môi trường.

b) Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư, các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về xây dựng, thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về xây dựng, thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 13. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư hạ tầng theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư vào cụm công nghiệp.

c) Các Sở, ngành liên quan: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 14. Tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp (*sau đây gọi là nhà đầu tư thứ cấp*) liên hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê

2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công trình trong cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp (*sau đây gọi là nhà đầu tư thứ cấp*) liên hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

- Trường hợp cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo khoản 4 Điều 20 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

- Đối với cụm công nghiệp chưa có chủ đầu tư hạ tầng: Ủy ban nhân dân cấp huyện (*phòng Kinh tế; phòng Kinh tế - Hạ tầng*) hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, các cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

b) Sở Công Thương

- Đầu mối tiếp nhận, giải quyết, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 36, Luật Đầu tư năm 2014 theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Tham gia ý kiến đối với các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 36 Luật Đầu tư năm 2014.

- Hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp.

- Báo cáo UBND tỉnh quyết định cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung; xác định giá cho thuê hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi, văn phòng và giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích khác đối với các cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Phối hợp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc UBND cấp huyện (*Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc phòng Kinh tế*) để thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đầu mối tiếp nhận, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 36 Luật Đầu tư năm 2014 theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

d) UBND cấp huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

- Tham gia ý kiến thẩm định đối với dự án sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền.

đ) Các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 15. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích

a) Đối với cụm công nghiệp có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

b) Đối với cụm công nghiệp chưa có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Ủy ban nhân dân cấp huyện (*phòng Kinh tế; phòng Kinh tế - Hạ tầng*) hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư trong cụm công nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích hiện có trên địa bàn theo quy định pháp luật.

2. Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương

- Hướng dẫn xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.

- Theo dõi, quản lý việc thực hiện Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư trong cụm công nghiệp thực hiện các nội dung tại điểm b, khoản 1, Điều này.

- Giám sát xây dựng và thực hiện giá dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.

- Phối hợp hướng dẫn xây dựng và theo dõi thực hiện Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.

c) Các Sở, ngành liên quan

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương trong việc hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, chế độ báo cáo về cụm công nghiệp

1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện theo Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017.

2. Chế độ báo cáo về cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017.

3. Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017.

Điều 17. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra kiểm tra, thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, UBND cấp huyện và chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

2. Sở Công Thương chủ trì phối hợp các Sở, ngành, địa phương thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp. Chủ trì đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoạt động kém hiệu quả; không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật.

Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham gia triển khai thực hiện Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng năm.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nhữ Văn Tâm

